

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN PHÂN HIỆU HỌC VIỆN TÀI CHÍNH TẠI HƯNG YÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

DƯ THỊ TƯƠI
LƯU THỊ YẾN

Học viện Tài chính - Phân hiệu tỉnh Hưng Yên

Nhận bài ngày 08/5/2026. Sửa chữa xong 18/6/2026. Duyệt đăng 29/6/2026.

Abstract

The Fourth Industrial Revolution and the trend of digital transformation have had a profound impact on all aspects of social life, including higher education. For political theory courses, this presents both challenges and opportunities for innovation. The Hung Yen Branch of the Academy of Finance, with its distinctive economics-oriented training programs, needs strategic steps to modernize teaching methods, helping students not only master knowledge but also develop strong political acumen in a multidimensional digital environment. This article proposes solutions to improve the quality of teaching political theory courses to students at the Hung Yen Branch of the Academy of Finance in the context of digital transformation.

Keywords: Academy of Finance, digital transformation, political theory courses, solutions, students.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số (CĐS) không còn là một lựa chọn mà đã trở thành yêu cầu sống còn, định hình lại toàn bộ hệ thống giáo dục đại học trên toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030” đã khẳng định mục tiêu ứng dụng công nghệ số và dữ liệu số để thay đổi mô hình quản lý, nội dung và phương pháp dạy học. Trong bối cảnh đó, các môn Lý luận chính trị (LLCT) giữ vai trò then chốt trong việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và bản lĩnh chính trị cho sinh viên (SV) đang đứng trước những thách thức và cơ hội đổi mới chưa từng có. Tại Phân hiệu Học viện Tài chính tại Hưng Yên, đối tượng đào tạo là SV khối ngành Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng - những người trẻ có tư duy logic sắc bén, nhạy bén với các biến động thị trường và đặc biệt thành thạo trong việc sử dụng các công cụ công nghệ. Tuy nhiên, một thực trạng khách quan đang tồn tại là không ít SV vẫn còn tâm lý xem nhẹ các môn LLCT, coi đây là những môn học trừu tượng, khô khan và ít có tính ứng dụng trực tiếp vào chuyên môn nghiệp vụ tài chính. Sự phát triển bùng nổ của mạng xã hội và các luồng thông tin đa chiều trên không gian mạng cũng đặt ra yêu cầu cấp bách trong việc định hướng tư tưởng, giúp SV có khả năng tự đề kháng trước các quan điểm sai trái, thù địch. Việc nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT trong bối cảnh CĐS tại Phân hiệu không chỉ đơn thuần là việc thay thế bằng phần mềm màn hình trình chiếu mà phải là một sự chuyển đổi toàn diện về hệ sinh thái giáo dục. Đó là quá trình số hóa kho học liệu, đổi mới phương pháp tương tác giữa giảng viên (GV) và SV và quan trọng nhất là “thổi hồn” vào những nguyên lý lý luận bằng những ví dụ thực tiễn sinh động của nền kinh tế số. Làm thế nào để những giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở nên gần gũi, gắn liền với hơi thở của thị trường tài chính và các chính sách quản lý nhà nước hiện đại? Đây chính là bài toán thực tiễn cần được giải quyết nhằm đào tạo nên những chuyên gia tài chính không chỉ giỏi về nghiệp vụ mà còn vững vàng về tư tưởng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Email: minhthuoi.hy@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị cho sinh viên Phân hiệu Học viện Tài chính tại Hưng Yên trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1.1. Những kết quả đạt được trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị

a. Sự thay đổi đột phá trong nhận thức và thái độ học tập của SV: Kết quả quan trọng nhất sau một thời gian áp dụng CDS chính là việc xóa bỏ rào cản tâm lý “ngại học”, “sợ học” các môn LLCT của SV khối ngành Tài chính. Việc chuyển đổi từ phương pháp truyền thụ một chiều sang môi trường tương tác số đã giúp SV chuyển đổi trạng thái từ “bị động tiếp nhận” sang “chủ động khám phá”. Thay vì những trang lý thuyết dày đặc chữ, SV được tiếp cận với hệ thống video Micro-learning và Infographic trực quan, giúp các khái niệm trừu tượng trở nên cụ thể và dễ hiểu hơn (Bùi Kim Thanh, Bùi Thị Hồng Hà, 2022). Ví dụ: Trong chương trình học về “Kinh tế chính trị Mác-Lênin”, thay vì bắt SV học thuộc lòng định nghĩa về “Hàng hóa sức lao động”, GV tại Phân hiệu đã xây dựng một chuỗi video ngắn giải thích về sự dịch chuyển giá trị trong các startup công nghệ hiện nay. Khi SV thấy được sự tương đồng giữa lý luận kinh điển và thực tế khởi nghiệp của Gen Z, tỷ lệ SV tham gia thảo luận trên hệ thống LMS tăng lên rõ rệt. Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy mức độ hài lòng với môn học tăng từ 60% lên trên 85%, số lượng SV vắng mặt trên giảng đường giảm xuống mức tối thiểu nhờ sức hút của các hoạt động tương tác tại chỗ như Kahoot hay Mentimeter.

b. Nâng cao khả năng vận dụng lý luận vào phân tích thực tiễn kinh tế - tài chính: CDS đã tạo điều kiện để “thực tế hóa” các bài giảng LLCT. SV Phân hiệu Học viện Tài chính tại Hưng Yên giờ đây đã biết sử dụng phép biện chứng duy vật để soi chiếu vào các biến động của thị trường tài chính toàn cầu. Kết quả đạt được là tư duy phản biện của SV được nâng cao, các em không chỉ hiểu lý thuyết mà còn biết dùng lý thuyết như một công cụ sắc bén để giải mã các hiện tượng kinh tế phức tạp, từ đó củng cố niềm tin vào đường lối, chính sách của Đảng. Ví dụ: Trong một dự án tiểu luận số về môn “Chủ nghĩa xã hội khoa học”, nhóm SV đã thực hiện một video phân tích về “Chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam trong bối cảnh hậu đại dịch dưới góc nhìn của lý luận hình thái kinh tế - xã hội”. SV đã sử dụng dữ liệu từ các báo cáo tài chính nhà nước và so sánh với mô hình của các nước tư bản để làm nổi bật tính ưu việt của mô hình Việt Nam. Việc sử dụng các công cụ biên tập video và dữ liệu số để làm bài tập không chỉ giúp các em hiểu sâu lý luận mà còn rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp tài chính, tạo ra những sản phẩm học thuật có tính thuyết phục cao hơn nhiều so với các bài viết tay truyền thống.

c. Bước tiến dài trong năng lực số và phương pháp sư phạm của đội ngũ GV: Việc triển khai CDS đã trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy các GV LLCT tại Phân hiệu không ngừng tự học và đổi mới. Kết quả ghi nhận được là sự chuyển dịch từ vai trò “người truyền đạt” sang “người điều phối và định hướng”. GV đã thành thạo trong việc quản trị lớp học trên không gian mạng, biết cách khai thác kho dữ liệu lớn để cá nhân hóa lộ trình học tập cho từng SV. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng dạy học mà còn giúp GV xây dựng được hình ảnh hiện đại, gần gũi trong mắt SV (Nguyễn Văn Thiên, 2024). Ví dụ: Một GV lâu năm tại Phân hiệu, vốn quen với phương pháp giảng bài qua bảng đen nay đã có thể tự thiết kế bài giảng E-learning trên nền tảng Articulate Storyline. Trong bài giảng về “Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc”, GV này đã tích hợp các bản đồ số và phim tư liệu quý hiếm từ kho lưu trữ số của Bảo tàng Hồ Chí Minh. Việc GV chủ động sử dụng công nghệ AI để lọc ra các câu hỏi thảo luận hay nhất từ SV đã tạo ra một bầu không khí học tập sôi nổi, phá vỡ khoảng cách thế hệ. GV không còn bị quá tải bởi việc chấm bài thủ công mà dành thời gian đó để tư vấn tâm lý, định hướng tư tưởng cho những SV còn đang dao động trước các luồng thông tin tiêu cực trên mạng.

d. Xây dựng môi trường giáo dục số hóa đồng bộ và hiện đại tại Phân hiệu: CDS đã giúp Phân hiệu Học viện Tài chính tại Hưng Yên hình thành một hệ sinh thái giáo dục thông minh. Mọi quy trình từ đăng ký học tập, truy cập tài liệu đến kiểm tra, đánh giá đều được thực hiện trên nền tảng số, tạo sự minh bạch và công bằng tuyệt đối. Kết quả là hiệu quả quản lý đào tạo được nâng cao, lãng phí tài nguyên giấy tờ được cắt giảm và đặc biệt là tạo ra một “không gian chính trị số” lành mạnh để SV sinh hoạt và trao đổi kiến thức. Ví dụ: Phân hiệu đã triển khai hệ thống “Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm số” cho các môn LLCT. SV có thể tự luyện tập trên ứng dụng điện thoại bất cứ lúc nào. Hệ thống sẽ tự động chấm điểm

và chỉ ra những phần kiến thức SV còn yếu để gợi ý tài liệu đọc thêm tương ứng. Trong kỳ thi kết thúc học phần vừa qua, việc chấm thi hoàn toàn trên máy đã loại bỏ hoàn toàn các sai sót cảm tính, kết quả được công bố ngay lập tức giúp SV giải tỏa áp lực. Hơn nữa, Phân hiệu còn xây dựng một “Diễn đàn lý luận trẻ” trên mạng nội bộ, nơi SV có thể chia sẻ các bài viết, podcast về tình yêu quê hương, đất nước. Đây chính là minh chứng cho việc công nghệ đã giúp lan tỏa những giá trị chính trị tốt đẹp một cách tự nhiên và sâu rộng nhất.

e. Hình thành “màng lọc” tư tưởng và bản lĩnh chính trị trên không gian mạng: Thông qua việc tiếp cận LLCT bằng phương pháp số, SV được trang bị kỹ năng nhận diện phương pháp luận của các thế lực thù địch trên mạng xã hội. Kết quả là SV không còn là những nạn nhân thụ động của tin giả mà trở thành những tuyên truyền viên tích cực trên không gian mạng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng bằng chính vốn kiến thức và kỹ năng công nghệ của mình (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2023). Ví dụ: Khi một luồng tin giả về “khủng hoảng nợ công” tại Việt Nam lan truyền trên một số hội nhóm tài chính, nhiều SV của Phân hiệu đã sử dụng kiến thức từ môn Kinh tế chính trị và kỹ năng tra cứu dữ liệu chính thống để viết các bài phân tích phản bác ngay dưới phần bình luận. Các em đã dùng sơ đồ so sánh nợ công của Việt Nam với các nước trong khu vực để chứng minh sự ổn định của kinh tế vĩ mô. Việc SV tự giác bảo vệ lẽ phải bằng lý luận khoa học chính là “trái ngọt” lớn nhất của quá trình CĐS trong giảng dạy LLCT, cho thấy môn học đã thực sự đi vào đời sống và trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén của thế hệ trẻ ngành tài chính tại Hưng Yên.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế trong chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị

a. Sự thiếu đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và nền tảng số hóa: Mặc dù đã có những khoản đầu tư ban đầu nhưng hệ thống máy chủ, đường truyền Internet và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy thông minh vẫn chưa đảm bảo tính ổn định cao để phục vụ đồng bộ cho hàng ngàn SV cùng lúc. Việc truy cập vào các nền tảng học tập trực tuyến đôi khi gặp sự cố nghẽn mạng, gây gián đoạn luồng tư duy của người học và ảnh hưởng đến tâm thế giảng dạy của người thầy. Ví dụ: Trong một buổi thảo luận trực tuyến về “Sự biến đổi của cơ cấu giai cấp trong thời kỳ quá độ”, khi GV đang triển khai một cuộc khảo sát ý kiến thời gian thực qua ứng dụng Mentimeter, hệ thống mạng tại Phân hiệu bị gián đoạn khiến hơn 50% SV không thể truy cập. Sự cố này không chỉ làm mất đi tính sôi nổi của tiết học mà còn khiến các số liệu thống kê bị sai lệch, làm giảm hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ trong việc phân tích các vấn đề lý luận.

b. Chênh lệch về năng lực số và tâm lý ngại thay đổi của một bộ phận GV: Dù đa số GV đã nỗ lực thích nghi nhưng vẫn tồn tại một bộ phận GV, đặc biệt là GV lớn tuổi, gặp khó khăn trong việc làm chủ các công cụ công nghệ mới. Tâm lý “ngại thay đổi” và thói quen giảng dạy truyền thống đã bám rễ sâu, dẫn đến việc ứng dụng CĐS đôi khi còn mang tính hình thức, “bình mới rượu cũ”. GV có thể sử dụng slide trình chiếu nhưng nội dung vẫn là những khối văn bản dày đặc, thiếu tính tương tác và chưa khai thác được sức mạnh của đa phương tiện [4]. Ví dụ: Một GV sử dụng PowerPoint để dạy môn “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam” nhưng thay vì tích hợp các đoạn phim tư liệu, bản đồ số hay các câu hỏi tương tác, GV lại dùng slide để thay thế bằng đèn bảng cách chép lại toàn bộ giáo trình lên màn hình. SV thay vì được truyền cảm hứng qua các hình ảnh trực quan thì lại phải đối mặt với một hình thức “đọc - chép” kỹ thuật số mới, dẫn đến sự mệt mỏi và làm mất đi ý nghĩa thực sự của việc CĐS.

c. Khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng tự học và tính liêm chính học thuật: CĐS trao cho SV quyền tự chủ cao hơn nhưng cũng đặt ra bài toán khó về việc quản lý chất lượng tự học. Trong môi trường số, SV dễ bị xao nhãng bởi các thông tin giải trí hoặc các luồng tư tưởng sai lệch nếu không có sự giám sát chặt chẽ. Đặc biệt, sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) tạo ra nguy cơ về liêm chính học thuật khi SV có thể lạm dụng công cụ để tạo ra các bài tiểu luận, phản biện mà không có sự đào sâu suy nghĩ, biến các môn LLCT thành một quá trình “sao chép và dán” công nghệ (Phạm Huy Kỳ, 2010). Ví dụ: Trong một bài tập nhóm về phân tích “Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng”, GV phát hiện 3 nhóm SV nộp bài có nội dung giống nhau đến 90%, từ cách dùng từ đến các ví dụ thực tế. Qua kiểm tra, các em thừa nhận đã sử dụng chung một câu lệnh (prompt) trên ChatGPT để tạo ra bài viết. Điều này cho thấy SV chỉ đang sử dụng công nghệ để đối phó với điểm số chứ chưa thực sự thấm thấu được giá trị đạo đức và lý luận mà môn học hướng tới.

d. Học liệu số chưa đủ chiều sâu và tính cá nhân hóa: Hiện nay, kho học liệu số của các môn LLCT tại

Phân hiệu tuy đã được hình thành nhưng phần lớn vẫn dừng lại ở mức độ số hóa các tài liệu có sẵn (PDF, Slide). Các loại hình học liệu mang tính tương tác cao, mô phỏng thực tế ảo hay các bài giảng được cá nhân hóa theo trình độ của từng SV còn rất hạn chế. Việc thiếu hụt đội ngũ chuyên gia về thiết kế bài giảng số (Instructional Designers) khiến cho học liệu chưa thực sự cuốn hút và chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của SV ngành Tài chính. Ví dụ: Khi học về chương “Học thuyết giá trị thặng dư”, SV mong muốn có những phần mềm mô phỏng giúp họ tự nhập các thông số về chi phí máy móc, tiền lương và thời gian lao động để thấy được sự biến thiên của tỷ suất giá trị thặng dư. Tuy nhiên, học liệu hiện tại chỉ dừng lại ở các video bài giảng lý thuyết. Sự thiếu hụt các công cụ mô phỏng trực quan khiến SV khó hình dung ra sự vận hành phức tạp của các quy luật kinh tế trong thực tế sản xuất hiện đại.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị cho sinh viên Phân hiệu Học viện Tài chính tại Hưng Yên trong bối cảnh chuyển đổi số

2.2.1. Số hóa nội dung và xây dựng hệ sinh thái học liệu số thông minh

Trong bối cảnh CDS, học liệu không còn bó hẹp trong những cuốn giáo trình in ấn truyền thống mà cần được chuyển đổi sang các định dạng số linh hoạt, tương tác cao. Đối với SV tài chính tại Hưng Yên - những người vốn quen thuộc với biểu đồ và dữ liệu - việc hình ảnh hóa các khái niệm LLCT là yếu tố tiên quyết. Giải pháp này bắt đầu từ việc xây dựng kho bài giảng video ngắn (Micro-learning). Mỗi video chỉ nên kéo dài từ 5-10 phút, tập trung giải quyết một vấn đề cốt lõi như “Giá trị thặng dư” hay “Quy luật mâu thuẫn”. Việc chia nhỏ kiến thức giúp SV có thể học ở mọi lúc, mọi nơi trên thiết bị di động, phù hợp với thói quen tiêu thụ thông tin của Gen Z. Bên cạnh đó, việc ứng dụng Infographic và sơ đồ tư duy (Mindmap) tương tác sẽ giúp hệ thống hóa các mốc lịch sử Đảng hoặc các mối quan hệ biện chứng một cách trực quan. Thay vì đọc hàng chục trang văn bản, SV có thể nhìn thấy bức tranh tổng quan về sự phát triển tư tưởng thông qua các sơ đồ dòng thời gian. Đặc biệt, Phân hiệu cần xây dựng một “Thư viện số chuyên ngành” lồng ghép giữa LLCT và kinh tế. Ví dụ, các tài liệu về chính sách thuế, tiền tệ của Chính phủ qua các thời kỳ cần được số hóa và gắn mã QR để SV dễ dàng tra cứu, đối chiếu với các nguyên lý kinh tế chính trị. Việc này không chỉ nâng cao tính tự học mà còn tạo ra sự hứng thú khi SV thấy được giá trị của lý luận trong việc giải mã các dữ liệu thực tế (Phạm Minh Sơn, Phan Thị Thanh Hải, 2024).

2.2.2. Đổi mới phương pháp dạy học theo mô hình tương tác và lớp học đảo ngược

Phương pháp dạy học truyền thống “đọc - chép” đã không còn phù hợp trong kỷ nguyên số. Giải pháp cốt lõi ở đây là triển khai mô hình “Lớp học đảo ngược” (Flipped Classroom). Theo đó, quy trình học tập được đảo ngược: SV tự nghiên cứu lý thuyết qua video và tài liệu số trên hệ thống LMS trước khi đến lớp. Thời gian trực tiếp tại giảng đường Phân hiệu sẽ được dành trọn vẹn cho các hoạt động thảo luận nhóm, tranh luận và giải quyết tình huống (Case study). GV lúc này không còn đóng vai trò là người truyền thụ kiến thức duy nhất mà trở thành người điều phối, định hướng. Để tăng tính hấp dẫn, việc “Trò chơi hóa” (Gamification) nội dung học tập thông qua các ứng dụng như Quizizz hay Kahoot cần được thực hiện thường xuyên. Những cuộc thi nhỏ ngay tại lớp với bảng xếp hạng thời gian thực sẽ kích thích tinh thần học tập và giúp GV đánh giá ngay lập tức mức độ hiểu bài của SV. Hơn nữa, việc tổ chức các diễn đàn thảo luận trực tuyến trên MS Teams hay Zoom giúp mở rộng không gian học tập ra ngoài biên giới lớp học. SV có thể cùng nhau phân tích một vấn đề thời sự, chẳng hạn như “Tác động của địa chính trị đến giá vàng”, dưới góc nhìn của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Sự tương tác liên tục trên không gian số không chỉ giúp nắm vững lý luận mà còn rèn luyện kỹ năng phản biện và tư duy độc lập cho SV trước các luồng thông tin trái chiều.

2.2.3. Gắn kết chặt chẽ lý luận chính trị với thực tiễn ngành Tài chính - Kinh tế số

Đặc thù của SV Học viện Tài chính là sự nhạy bén về lợi ích kinh tế và tính thực tiễn. Do đó, giải pháp mang tính đột phá là “Tài chính hóa” các bài giảng LLCT. GV cần khéo léo lồng ghép các nội dung lý luận vào những vấn đề mà SV đang quan tâm như: thị trường chứng khoán, tiền mã hóa hay quản lý tài chính công. Ví dụ, khi giảng về chương “Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước”, GV có thể đưa ra bài toán về vai trò của Nhà nước trong việc điều tiết nền kinh tế số và kiểm soát các tập đoàn công nghệ lớn hiện nay. Việc phân tích các chính sách của Đảng và Nhà nước về CDS quốc gia, chiến lược phát triển kinh tế xanh hay các cam kết quốc tế của Việt Nam sẽ giúp SV hiểu rằng LLCT không hề xa vời mà

chính là nền tảng tư tưởng cho mọi quyết sách kinh tế. Đặc biệt, trong bối cảnh các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng các vấn đề kinh tế để xuyên tạc chính trị, GV cần hướng dẫn SV cách sử dụng lý luận để phân tích, phản bác các luận điệu sai trái ngay trên các diễn đàn kinh tế. Điều này giúp SV hình thành "bản lĩnh chính trị của người làm tài chính", biết đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên khi hoạt động trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Sự gắn kết này biến môn học từ áp lực thành nhu cầu tự thân của SV nhằm hoàn thiện tư duy nghề nghiệp (Thu Hoài, 2024).

2.2.4. Nâng cao năng lực số và tư duy sáng tạo cho đội ngũ giảng viên

Giảng viên là nhân tố quyết định sự thành công của CĐS. Giải pháp bền vững nhất chính là đào tạo và tái đào tạo đội ngũ GV tại Phân hiệu về kỹ năng số. Năng lực số ở đây không chỉ dừng lại ở việc biết sử dụng máy tính mà là khả năng thiết kế bài giảng E-learning bài bản, biết ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để cá nhân hóa việc học cho SV. GV cần được tập huấn về cách khai thác dữ liệu lớn để theo dõi tiến độ học tập của từng SV trên hệ thống LMS, từ đó có những tác động hỗ trợ kịp thời. Bên cạnh kỹ năng công nghệ, GV cần thay đổi tư duy từ "người dạy" sang "người truyền cảm hứng" và "người định hướng". Trong môi trường thông tin bùng nổ, GV phải là người giúp SV sàng lọc thông tin, xây dựng phương pháp luận khoa học để tiếp cận vấn đề. Phân hiệu nên có cơ chế khuyến khích, khen thưởng cho những GV có những sáng kiến số hóa bài giảng sáng tạo hoặc xây dựng được các kênh truyền thông giáo dục LLCT thu hút trên mạng xã hội. Khi GV làm chủ được công nghệ và có tư duy mở, họ sẽ tạo ra một môi trường học tập hiện đại, xóa bỏ khoảng cách thế hệ và giúp các môn LLCT trở nên gần gũi, thuyết phục hơn đối với SV.

2.2.5. Đầu tư hạ tầng công nghệ và đổi mới cơ chế đánh giá đa chiều

Chuyển đổi số không thể thực hiện trên một nền tảng hạ tầng lạc hậu. Phân hiệu Học viện Tài chính tại Hưng Yên cần ưu tiên đầu tư hệ thống Wi-Fi tốc độ cao bao phủ toàn bộ khu vực học tập, xây dựng các phòng học thông minh (Smart Classroom) trang bị đầy đủ thiết bị tương tác. Hệ thống LMS cần được tối ưu hóa để vận hành ổn định, cho phép SV truy cập kho học liệu mọi lúc mà không gặp rào cản kỹ thuật. Hạ tầng vững chắc chính là bệ phóng cho các phương pháp dạy học hiện đại được triển khai hiệu quả. Đồng thời, cơ chế đánh giá kết quả học tập cũng cần được chuyển đổi theo hướng đa chiều và liên tục. Thay vì phụ thuộc vào một bài thi cuối kỳ bằng giấy, việc đánh giá nên được tích hợp xuyên suốt quá trình học thông qua các hoạt động trên không gian số. Điểm số có thể được cấu thành từ: mức độ tương tác trên diễn đàn, kết quả các bài trắc nghiệm vui trên lớp, chất lượng các video tiểu luận nhóm hoặc các dự án phân tích thực tiễn. Việc ứng dụng công nghệ để chấm điểm tự động và phản hồi ngay lập tức (Instant Feedback) sẽ giúp SV nhận ra lỗi hỏng kiến thức của mình để kịp thời bổ sung. Một cơ chế đánh giá công bằng, hiện đại và chú trọng vào năng lực thực tế sẽ tạo động lực tự thân, thúc đẩy SV nỗ lực hơn trong việc chinh phục các môn LLCT.

3. Kết luận

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT trong bối cảnh CĐS là một hành trình mang tính chiến lược, đòi hỏi sự kiên trì và đầu tư đồng bộ từ nhiều phía. Đối với Phân hiệu Học viện Tài chính tại Hưng Yên, đây không chỉ là việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới giáo dục theo chủ trương của Đảng và Nhà nước mà còn là yếu tố then chốt để khẳng định vị thế và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế - tài chính. Qua quá trình nghiên cứu và triển khai các giải pháp, có thể khẳng định CĐS chính là "chìa khóa" để xóa bỏ định kiến về sự khô khan của các môn lý luận, biến những nguyên lý triết học và kinh tế chính trị trở thành những công cụ tư duy sắc bén cho SV trong kỷ nguyên số. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc kết hợp giữa nền tảng học liệu số hiện đại, phương pháp giảng dạy tương tác (như Gamification hay Flipped Classroom) và sự lồng ghép hơi thở của thị trường tài chính vào bài giảng đã tạo ra những chuyển biến tích cực. SV không còn thụ động trong việc tiếp nhận kiến thức mà đã trở thành những chủ thể chủ động, biết sử dụng lý luận để giải thích các hiện tượng kinh tế - xã hội phức tạp. Sự bùng nổ của AI và dữ liệu lớn (Big Data) sẽ còn tiếp tục tạo ra những thay đổi sâu sắc hơn nữa trong phương thức truyền thụ kiến thức. Do đó, GV LLCT tại Phân hiệu cần không ngừng tự bồi dưỡng, nâng cao "năng lực số" để không chỉ là người dạy chữ mà còn là người dẫn dắt, định hướng giúp SV nhận diện đúng sai giữa "biển" thông tin đa chiều. Sự thành công của công tác giảng dạy LLCT trong môi trường số sẽ góp phần quan trọng hình thành nên những thế hệ SV có bản lĩnh chính trị vững

vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng và kỹ năng chuyên môn vượt trội, sẵn sàng đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế nước nhà trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Kim Thanh, Bùi Thị Hồng Hà (2022). *Áp dụng chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị*. <https://lyluanchinhtri.vn/ap-dung-chuyen-doi-so-trong-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-926.html>, ngày 21/6/2022.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2023). *Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số*. NXB Lý luận chính trị.
- Nguyễn Văn Thiên (2024). Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị thông qua ứng dụng chuyển đổi số. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, tháng 5*, tr. 68-75.
- Phạm Huy Kỳ (2010). *Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị*. NXB Chính trị Quốc gia - Hành chính, tr. 42.
- Phạm Minh Sơn, Phan Thị Thanh Hà (2024). *Kiến tạo hệ sinh thái truyền thông số trong giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên Việt Nam*. <https://lyluanchinhtri.vn/kien-tao-he-sinh-thai-truyen-thong-so-trong-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-cho-sinh-vien-viet-nam-11443.html>, ngày 20/01/2026.
- Trần Thị Lan Hương (2025). *Nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số ở các trường đại học hiện nay*. <https://nghienccuu.tapchikinhthetachinh.vn/nang-cao-nang-luc-so-cho-doi-ngu-giang-vien-trong-boi-canh-chuyen-doi-so-o-cac-truong-dai-hoc-hien-nay-102617.html?link=autochanger>, ngày 06/11/2025.
- Thu Hoài (2024). *Ứng dụng ChatGPT trong dạy và học các môn lý luận chính trị*. <https://www.sggp.org.vn/ung-dung-chatgpt-trong-day-va-hoc-cac-mon-ly-luan-chinh-tri-post769503.html>, ngày 22/11/2024.
-

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG GIẢNG DẠY...

Tiếp theo trang 164

3. Kết luận

Có thể nói, AI tạo sinh đem đến nhiều lợi ích trong giảng dạy và học tập Tiếng Anh văn phòng, đặc biệt ở các hoạt động mô phỏng giao tiếp công sở và hỗ trợ viết văn bản thương mại. Tuy nhiên, việc sử dụng AI không kiểm soát có thể dẫn đến vòng lặp phụ thuộc AI và hiện tượng ảo tưởng năng lực, làm gia tăng khoảng cách giữa kết quả học tập và năng lực ngôn ngữ thực tế của người học. Do đó, cần thiết kế các hoạt động học tập và đánh giá phù hợp nhằm khuyến khích người học tham gia vào quá trình tư duy, phản biện và kiến tạo tri thức thay vì chỉ tiếp nhận sản phẩm do AI tạo ra. Trong bối cảnh AI ngày càng hiện diện sâu rộng trong môi trường làm việc, mục tiêu của môn học Tiếng Anh văn phòng không còn đơn thuần là giúp người học tạo ra những sản phẩm ngôn ngữ chính xác mà còn là phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách độc lập, linh hoạt và có trách nhiệm trong các tình huống nghề nghiệp thực tế. Vì vậy, AI nên được xem là một công cụ hỗ trợ và bệ đỡ nhận thức cho quá trình học tập, thay vì trở thành sự thay thế cho năng lực tư duy và năng lực ngôn ngữ của người học.

Tài liệu tham khảo

- Chen, Y. (2024). Guiding and assessing generation: Pedagogy and assessment for generative AI-assisted writing. *Assessing Writing*, 60, 100827. <https://doi.org/10.1016/j.asw.2024.100827>.
- Cui, Y. (2026). The use of AI tools in business English writing: A survey of current practices from a critical digital literacy perspective. *Scientific and Social Research*, 8(2). <https://doi.org/10.26689/ssr.v8i2.14004>.
- Google. (2024). *Gemini Live*. Google. <https://gemini.google.com>.
- Koriat, A., & Bjork, R. A. (2005). Illusions of competence in monitoring one's knowledge during study. *Journal of Experimental Psychology: Learning, Memory, and Cognition*, 31(2), 187-194. <https://doi.org/10.1037/0278-7393.31.2.187>.
- Kumar, S., Mikayelyan, A., & Vorfolomeyeva, O. (2026). Fluency illusion: A review on fluence of ChatGPT in classroom settings. *Information*, 17(3), 299. <https://doi.org/10.3390/info17030299>.
- Microsoft. (n.d.). *Microsoft Copilot for Microsoft 365*. Microsoft. <https://www.microsoft.com>.
- Moorhouse, B. L. B. (2024). Rethinking language assessment in the generative artificial intelligence era. *Postdigital Science and Education*, 6(2), 311-323. <https://doi.org/10.1007/s42438-023-00449-9>.
- Ngo, C. L., Tran, T. N., & Nguyen, T. T. (2024). Academic integrity in the age of generative AI: Perceptions and responses of Vietnamese EFL teachers. *Teaching English with Technology*, 24(1), 28-47.
- OpenAI. (n.d.). *Voice conversations with ChatGPT*. OpenAI. <https://openai.com>.
- Rosita, A. D., Suryani, F. B., & Rokhayani, A. (2025). The use of artificial intelligence in learning English at vocational high school. *IJEE (Indonesian Journal of English Education)*, 12(2), 227-238. <https://doi.org/10.15408/ijee.v12i2.49338>.
- Sidauruk, J., Marbun, H., & Hartati, R. (2024). Analysis the effectiveness of ChatGPT in enhancing secretary writing skill at campus organizations. *International Journal of Teaching and Learning*, 2(11), 2971-2979.